



Tiểu luận Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

kinh tế chính trị mác lê nin (Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

MÔN HỌC
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Nội Dung:

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN 1: MỞ ĐẦU.....	3
PHẦN 2: NỘI DUNG.....	3
6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM.....	4
6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hoá.....	4
<i>a) Khái quát về cách mạng công nghiệp.....</i>	<i>4</i>
<i>b) Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới.....</i>	<i>9</i>
6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.....	13
<i>a) Tính tất yếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.....</i>	<i>13</i>
<i>b) Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.....</i>	<i>16</i>
PHẦN 3: TỔNG KẾT.....	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	22
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC THÀNH VIÊN.....	23

PHẦN 1: MỞ ĐẦU

1.1 Mục tiêu

Cung cấp hệ thống tri thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó đề cập đến những nội dung cơ bản như: khái quát lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp; khái quát về công nghiệp hoá và các mô hình công nghiệp hoá tiêu biểu; tính tất yếu và nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.

1.2 Nội dung

- Khái quát về cách mạng công nghiệp
- Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới
- Tính tất yếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam
- Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

PHẦN 2: NỘI DUNG

CHƯƠNG 6: **CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hoá

a) Khái quát về cách mạng công nghiệp

*** Khái niệm cách mạng công nghiệp**

Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại, kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật - công nghệ đó vào đời sống xã hội.

Nói cách khác cách mạng công nghiệp là cuộc cách mạng trong lĩnh vực sản xuất, là sự thay đổi cơ bản các điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa và kỹ thuật.

Ví dụ: Khoảng thời gian 1750-1760, khi nền kinh tế thế giới còn đơn giản, quy mô nhỏ, lao động còn dựa trên sức lao động chân tay hoặc điều kiện thời tiết như sức gió, sức nước. Điển hình, các máy dệt tại xưởng may hoạt động bằng sức nước chảy, sau đó đã phát minh ra máy hơi nước giúp các nhà máy có thể dệt ở bất kỳ nơi nào, giúp năng suất tăng, hiệu quả làm việc tăng cao. Quá trình thay đổi đó gọi là cách mạng công nghiệp.

*** Khái quát lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp**

Thế giới đã trải qua ba cuộc cách mạng công nghiệp và đang bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất khởi phát từ nước Anh, từ thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX.

Tiền đề của cuộc cách mạng này xuất phát từ sự trưởng thành về lực lượng sản xuất cho phép tạo ra bước phát triển đột biến về tư liệu lao động, trước hết trong lĩnh vực dệt vải sau đó lan tỏa ra các ngành kinh tế khác của nước Anh.

Nội dung cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, thực hiện cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng nước và hơi nước.

Những phát minh quan trọng tạo tiền đề cho cuộc cách mạng này là: Thoi bay của John Kay (1733), xe kéo sợi Jenny của Jame Hargreaves (1764)... làm cho ngành công nghiệp dệt phát triển mạnh mẽ. Các phát minh trong công nghiệp luyện kim của Henry Cort (1784), Henry Bessemer (1885) về lò luyện gang, công nghệ luyện sắt là những bước tiến lớn đáp ứng nhu cầu chế tạo máy móc. Sự ra đời và phát triển của đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước (do stephensen phát minh năm 1814), tàu thủy (do Robert Fulton phát minh năm 1807)... đã tạo điều kiện cho giao thông vận tải phát triển mạnh mẽ.

C. Mác đã khái quát tính quy luật của cách mạng công nghiệp qua ba giai đoạn phát triển gồm: hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp. Ông khẳng định đó là ba giai đoạn tăng năng suất lao động xã hội; ba giai đoạn phát triển của lực lượng sản xuất gắn với sự củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; đồng thời cũng là ba giai đoạn xã hội hóa lao động và sản xuất diễn ra trong quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ, thủ công, phân tán lên sản xuất lớn, tập trung, hiện đại.

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (2.0) diễn ra từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

Cuộc cách mạng này là một cuộc cách mạng về khoa học và kỹ thuật. Chuyển sang sản xuất trên cơ sở điện cơ khí và giai đoạn tự động hóa cục bộ. Sử dụng năng lượng điện và sản xuất ra dây chuyền sản xuất hàng loạt quy mô lớn. Được đánh dấu bằng những thành tựu to lớn: Ô tô, máy bay, đèn sợi đốt, điện thoại, tua bin hơi, xăng,... Bên cạnh đó còn có sự phát triển của các ngành vận tải, sản xuất thép, điện, hóa học và đặc biệt nhất là sản xuất hàng tiêu dùng.

Ý nghĩa: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 ra đời đã mở ra kỷ nguyên của sản xuất hàng loạt, thúc đẩy bởi sự ra đời của điện và dây chuyền lắp ráp. Công nghiệp hóa được lan rộng ra nhiều nước như Nhật Bản, Nga,... Cuộc cách mạng đã tạo ra những tiền đề thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội có quy mô thế giới.

Cách mạng công nghiệp lần thứ ba bắt đầu từ khoảng những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX đến cuối thế kỷ XX.

Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng này là sự xuất hiện công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra khi có các tiến bộ về hạ tầng điện tử, máy tính và số hóa vì nó được xúc tác bởi sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính (thập niên 1960), máy tính cá nhân (thập niên 1970 và 1980) và internet (thập niên 1990).

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba đã đưa tới những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nổi bật trong giai đoạn này là: hệ thống mạng, máy tính cá nhân, thiết bị điện tử sử dụng công nghệ số và robot công nghiệp.

Ý nghĩa: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 đã mang lại nhiều thay đổi đặc biệt về công nghệ kỹ thuật số. Mang đến nhiều phát minh vĩ đại thay đổi nền kinh tế lúc bấy giờ. Từ đó cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ra đời.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghệ 4.0) được đề cập lần đầu tiên tại Hội chợ triển lãm công nghệ Hannover (Cộng hòa liên bang Đức) năm 2011 và được Chính phủ Đức đưa vào “Kế hoạch hành động chiến lược công nghệ cao” năm 2012.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 còn gọi là công nghiệp 4.0. Cuộc cách mạng công nghệ này được tập trung vào công nghệ kỹ thuật số. Phát triển dựa trên nền tảng cuộc cách mạng 3.0 với sự kết nối thông qua internet vạn vật. Kết nối vật lý với kỹ thuật số, trao đổi tương tác giữa các bộ phận, đối tác, nhà cung cấp, sản phẩm và con người. Cho các doanh nghiệp chủ động kiểm soát và nắm bắt được mọi hoạt động kinh doanh.

Cuộc cách mạng này tạo ra động lực giúp thúc đẩy nền kinh tế của nhiều quốc gia. Chuyển đổi từ nền kinh tế tri thức sang nền kinh tế thông minh, nhà máy thông minh, sản phẩm thông minh, chuỗi cung ứng cũng thông minh. Sự giao thoa và trao đổi các lĩnh vực công nghệ đang dần xóa đi các ranh giới giữa các khâu sản xuất. Giúp sản xuất đạt trình độ cao, tối ưu hóa cao, lợi ích kinh tế ngày càng đi lên

Các thành tựu nổi bật như : Big Data (Dữ liệu lớn), Internet of Things (vạn vật kết nối), Cloud (Điện toán đám mây), Trí tuệ nhân tạo (AI), In 3D, Data mining, Augmented Reality (AR), Tự động quy trình robotic (RPA)...

Ý nghĩa : Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang thúc đẩy đến mọi khía cạnh và nhiều cấp độ khác nhau trong đời sống và sản xuất. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội.

* Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển

Các cuộc cách mạng công nghiệp có 3 vai trò chính với sự phát triển của thế giới.

Thứ nhất, cách mạng công nghiệp thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất.

Sự nâng cấp của tư liệu lao động qua các cuộc cách mạng công nghiệp, từ lao động thủ công đến lao động bằng máy móc rồi nâng cấp lên hệ thống tự động hóa cũng

đẩy nhanh quá trình tập trung hóa sản xuất. Đối với nhân lực, nó đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao về trình độ, chính điều này thúc đẩy sự phát triển của nguồn nhân lực.

Các cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra 2 giai cấp rõ rệt đó là tư sản và vô sản. Trong thời gian thống trị, giai cấp tư sản đã tạo ra số lượng của cải khổng lồ, song cũng gây lên những mâu thuẫn với giai cấp vô sản như: tình trạng bóc lột, tỉ lệ thất nghiệp,... đây chính là những nguyên nhân chính dẫn đến những cuộc đấu tranh sau này và cũng là tiền đề cho sự phát triển và thay đổi của xã hội.

Các cuộc cách mạng công nghiệp cũng phá bỏ những giới hạn về đối tượng lao động, nhiều ngành nghề sản xuất mới được xuất hiện. Những đột phá về công nghệ sẽ làm mất đi sự thuộc của sản xuất vào nguồn năng lượng truyền thống, việc tạo ra của cải phụ thuộc vào việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, vào chính tri thức của con người. Tất cả những sản phẩm của công nghiệp như máy móc, máy vi tính, hệ thống tự động hóa đều là sức mạnh của khoa học kỹ thuật, là sức mạnh đã vật hóa của tri thức. Đồng thời các nước đang phát triển cũng có cơ hội được tiếp cận với những thành tựu khoa học đã thành công ở các nước phát triển, từ đó thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa để bứt phá.

Cách mạng công nghiệp cũng tạo ra những ngành kinh tế mới thông qua mở rộng ứng dụng những thành tựu của công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ điều khiển, công nghệ sinh học,... các ngành mới có thể kể đến như : Logistics, thương mại điện tử, sinh học môi trường,... Cách mạng công nghiệp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành cơ cấu kinh tế mới theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế và hiệu quả cao, tối đa hóa quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng và quản lý, quản trị,... Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mới chỉ vừa bắt đầu ở một số nước phát triển , những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba vẫn đang tác động rất lớn lên hầu hết các nước đang phát triển.

Thứ hai, cách mạng công nghiệp thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất.

Tạo sự phát triển nhảy vọt về chất trong lực lượng sản xuất. Sự phát triển này dẫn đến quá trình điều chỉnh, phát triển hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội.

Đầu tiên là về tư hữu sản xuất, nền sản xuất lớn ra đời thay thế dần cho sản xuất nhỏ, khép kín, phân tán sau cách mạng công nghiệp lần thứ nhất. Quá trình tích tụ và tập trung tư bản dưới những tác động của giá trị thặng dư và cạnh tranh gay gắt đã tạo những xí nghiệp có quy mô lớn. Dưới tác động của cách mạng khoa học và công nghiệp, các sở hữu tư nhân không còn đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của sản xuất và yêu cầu cải tiến kỹ thuật, buộc họ phải liên kết lại với nhau dưới hình thức công ty cổ phần. Chính điều này đã mở rộng chủ thể sở hữu ra các thành phần khác của xã hội, các nước phát triển phải điều chỉnh các chế độ sở hữu, thực hiện đa dạng hóa sở hữu, lấy sở hữu tư nhân làm nòng cốt đồng thời phát huy sức mạnh và ưu thế tối đa của sở hữu nhà nước và khu vực kinh tế nhà nước. Mỹ chính là điển hình cho việc áp dụng thành công khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa Mỹ từ một nước non trẻ lên thành quốc gia phát triển nhanh nhất lúc bấy giờ. Sau cách mạng công nghiệp lần hai, lực lượng sản xuất phát triển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đồng thời dẫn đến quá trình đô thị hóa.

Cách mạng công nghiệp cũng đặt ra những yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế và trao đổi thành tựu

khoa học – công nghệ giữa các nước. Lĩnh vực quản lý tổ chức, quản lý kinh doanh cũng có sự thay đổi to lớn. Việc quản lý quá trình sản xuất của các doanh nghiệp trở nên dễ dàng hơn, thông qua ứng dụng các công nghệ như internet, trí tuệ nhân tạo, mô phỏng, robot... từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu và năng lượng mới hiệu quả giúp nâng cao năng suất lao động và định hướng tiêu dùng. Trong lĩnh vực phân phối, cách mạng công nghiệp giúp cho việc phân phối và tiêu dùng trở lên dễ dàng và nhanh chóng, làm thay đổi đời sống và xã hội, nhưng điều này cũng đòi hỏi các nước cần phải điều chỉnh chính sách phân phối thu nhập và an sinh xã hội nhằm giải quyết những mâu thuẫn cố hữu trong phân phối của nền kinh tế thị trường.

Cách mạng công nghiệp tạo điều kiện để tiếp thu, trao đổi kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế - xã hội giữa các nước. Thông qua đó, các nước lạc hậu có thể rút ra những bài học kinh nghiệm từ các nước đi trước để hạn chế những sai lầm, thất bại trong quá trình phát triển. Cách mạng công nghiệp cũng tạo điều kiện cho các nước mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế, huy động cao nhất nguồn lực bên ngoài cho phát triển, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo khả năng biến đổi các hệ thống sản xuất, quản lý, quản trị kinh tế và doanh nghiệp; phát triển những mô hình kinh doanh mới, nâng cao sức cạnh tranh của các nền kinh tế và các doanh nghiệp.

Thứ ba, cách mạng công nghiệp thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển.

Cách mạng công nghiệp làm cho sản xuất xã hội có những bước phát triển nhảy vọt. Công nghệ kỹ thuật số và internet đã kết nối giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với cá nhân và giữa các cá nhân với nhau trên phạm vi toàn cầu, thị trường được mở rộng, đồng thời dần hình thành một “thế giới phẳng”. Hàm lượng tri thức tăng lên trong sản phẩm và dịch vụ, khoảng cách thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào thực tiễn ngày càng được rút ngắn.

Phương thức quản trị, điều hành của chính phủ cũng có sự thay đổi nhanh chóng để thích ứng với sự phát triển của công nghệ mới (số hóa và tin học hóa), ngày càng chú trọng phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô, điều tiết và phối hợp quốc tế cũng được tăng cường. Bên cạnh đó, sự hình thành các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế cũng tạo ra những chủ thể mới trong điều tiết quan hệ kinh tế quốc tế.

Việc quản trị và điều hành của nhà nước phải được thực hiện thông qua hạ tầng số và internet. Kỷ nguyên số với các công nghệ mới, nền tảng điều hành mới liên tục thay đổi cho phép người dân được tham gia rộng rãi hơn vào việc hoạch định chính sách. Đồng thời, các cơ quan công quyền có thể dựa trên hạ tầng công nghệ số để tối ưu hóa hệ thống giám sát và điều hành xã hội theo mô hình “chính phủ điện tử”, “đô thị thông minh”... Vì vậy, bộ máy hành chính nhà nước vì vậy phải cải tổ theo hướng minh bạch và hiệu quả.

Thế chế quản lý kinh doanh trong các doanh nghiệp cũng có những biến đổi lớn với việc sử dụng công nghệ cao để cải tiến quản lý sản xuất, thay đổi hình thức tổ chức doanh nghiệp, có chiến lược kinh doanh và hoạch định kế hoạch phát triển một

cách hiệu quả. Các doanh nghiệp cần phải xây dựng chiến lược kinh doanh xuất phát từ nguồn lực, trong đó, nguồn lực chủ yếu là công nghệ, trí tuệ đổi mới, sáng tạo. Trên cơ sở đó, xây dựng định hướng chiến lược và hoạch định kế hoạch phát triển một cách hiệu quả nhất, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phương thức quản trị doanh nghiệp dựa trên áp dụng các phần mềm và quy trình trong quản lý, tiến hành số hóa các quá trình quản trị, kinh doanh, bán hàng sẽ tiết giảm được chi phí quản lý, điều hành. Làn sóng công nghệ mới giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng chính xác hơn nhu cầu của khách hàng, tạo giá trị gia tăng bằng chất lượng chứ không phải bằng tài chính, khoáng sản hay lao động phổ thông, đồng thời có thể sử dụng công nghệ để tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực bên ngoài.

Các công ty xuyên quốc gia (TNC) ngày càng có vai trò quan trọng trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, sự hình thành các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế tạo ra những chủ thể mới trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư yêu cầu các quốc gia phải có hệ thống thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi hoạt động sản xuất lên một trình độ cao hơn, tri thức hơn, tạo ra năng suất và giá trị cao hơn, nâng cao sức cạnh tranh, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn với các doanh nghiệp. Làn sóng đổi mới công nghệ tốc độ cao song hành với hội nhập và tự do hóa thương mại toàn cầu sẽ tạo sức ép cạnh tranh rất lớn, buộc các doanh nghiệp phải thích ứng với vai trò của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới

** Công nghiệp hoá*

Công nghiệp hoá là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Khái niệm công nghiệp hóa này luôn mang tính lịch sử, có nghĩa ở từng giai đoạn, từng điều kiện kinh tế xã hội khác nhau thì nội dung khái niệm công nghiệp hóa có sự khác nhau. Ví dụ: Quan niệm công nghiệp hóa khác ở giai đoạn CM Công nghiệp 1.0 (thế kỷ XVIII) khác với công nghiệp hóa ở giai đoạn 4.0 (như hiện nay)... Công nghiệp hóa giai đoạn 1.0 (thế kỷ XVIII) thì đó đơn thuần chỉ là thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc.

Giai đoạn Cách mạng CN 4.0 hiện nay, công nghiệp hóa phải theo hướng hiện đại, tức là cũng áp dụng máy móc để thay thế lao động thủ công, nhưng máy móc đó phải mang tính hiện đại, tự động hóa, tin học hóa. Hay như nội dung nội dung công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa cổ điển ở Anh khác với nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô; Công nghiệp hóa ở Anh (thế kỷ XVIII) thì tập trung vào ngành công nghiệp nhẹ) trong khi con đường công nghiệp. Bởi vậy, mặc dù đưa ra khái niệm

chung về công nghiệp hóa như trên, nhưng định nghĩa cụ thể về Công nghiệp hóa nhất thiết phải bám vào tình hình thực tiễn, điều kiện phát triển Kinh tế xã hội, trình độ về kinh tế kỹ thuật cụ thể.

* Các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới:

Cho đến nay có 3 mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu được nhân loại nhắc tới.

Thứ nhất, mô hình công nghiệp hóa cổ điển.

Đây là mô hình công nghiệp hóa đầu tiên trong lịch sử của các nước tư bản cổ điển, tiêu biểu là nước Anh được thực hiện gắn liền với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, diễn ra vào giữa thế kỷ XVIII. Công nghiệp hoá ở nước Anh được bắt đầu từ ngành công nghiệp nhẹ, trực tiếp là ngành công nghiệp dệt - ngành đòi hỏi vốn ít, thu lợi nhuận nhanh. Sự phát triển của ngành công nghiệp dệt ở Anh đã kéo theo sự phát triển của ngành trồng bông và chăn nuôi cừu, để đáp ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp dệt. Ngành công nghiệp nhẹ và nông nghiệp phát triển, đòi hỏi phải cung cấp nhiều máy móc, thiết bị cho sản xuất, từ đó đã tạo tiền đề cho sự phát triển của ngành công nghiệp nặng, mà trực tiếp là ngành cơ khí chế tạo máy. Quá trình này diễn ra với các máy hơi nước và hệ thống đường xe lửa (nửa sau thế kỉ XIX), sử dụng điện năng (cuối thế kỷ XIX), sử dụng xe hơi, máy bay, tàu thủy (đầu thế kỷ XX). Quá trình chuyển đổi công nghệ ở đây đã bao gồm cả các khâu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai. Vào thời kỳ đó, thời gian cần để đưa một phát minh khoa học nào đó vào triển khai phải mất hàng chục năm trở lên, ngoài ra khả năng giữ bí mật cao, trình độ dân trí thấp chính là nguyên nhân cơ bản kéo dài thời kỳ chuyển đổi từ công nghệ thủ công sang công nghệ cơ khí, làm cho quá trình công nghiệp hóa của các quốc gia châu Âu kéo dài hàng thế kỷ.

Quá trình công nghiệp hóa theo mô hình cổ điển thường diễn ra mang tính tự phát. Công nghiệp hóa theo mô hình cổ điển chịu tác động lớn của bàn tay vô hình (thị trường) còn nhà nước tư bản với tính cách là một lực lượng điều hành có ảnh hưởng đến môi trường sản xuất kinh doanh nhưng không can thiệp trực tiếp vào quá trình công nghiệp hóa. Thực tế, việc sử dụng các loại công cụ lao động mới, các loại máy móc cơ khí đã mang lại cho các ngành sản xuất năng suất cao hơn, sản lượng tăng nhanh, giá thành sản phẩm giảm xuống và cuối cùng là gia tăng lợi nhuận thu về cho các nhà tư bản. Chính lợi nhuận là động cơ thúc đẩy các nhà tư bản tiếp tục đổi mới cách thức sản xuất, đưa các loại máy móc, công cụ cơ khí vào sản xuất. Đồng thời, sự cạnh tranh trên thị trường lại thúc đẩy các nhà sản xuất dựa trên công cụ lao động thủ công phải thay đổi cách thức sản xuất nếu không muốn bị loại bỏ.

Trong điều kiện của nền kinh tế thế giới lúc bấy giờ, trật tự phân công lao động quốc tế chưa hình thành nên bản thân các nước tiến hành công nghiệp hóa cũng không tận dụng được ưu thế của phân công lao động nên nguồn vốn để công nghiệp hoá ở các nước tư bản cổ điển chủ yếu do khai thác lao động làm thuê, làm phá sản những người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, đồng thời gắn liền với việc xâm chiếm và cướp bóc thuộc địa, thực hiện các cuộc chiến tranh chiếm đoạt các nguồn tài nguyên và thị trường. Để tiến hành chiếm đoạt các nguồn tài nguyên to lớn, các quốc gia châu Âu đã thực hiện các biện pháp tích lũy nguyên thủy tàn bạo nhất. Trong bộ “Tư bản”, C.Mác đã diễn tả các hình thức tích lũy nguyên thủy điển hình ở nước Anh như đuổi nông dân

ra khỏi đồng ruộng, biến ruộng lúa mì thành những cánh đồng trồng cỏ nuôi cừu, bắt người lao động phải làm việc từ 15 đến 18 giờ một ngày... Tư bản tích lũy được ở đây chính là mồ hôi, nước mắt người lao động.

Quá trình này đã dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa tư bản và lao động, làm bùng nổ những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại nhà tư bản ở các nước tư bản lúc bấy giờ, tạo tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Quá trình công nghiệp hoá ở các nước tư bản cổ điển cũng dẫn đến mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau và mâu thuẫn giữa các nước tư bản với các nước thuộc địa, quá trình xâm chiếm và cướp bóc thuộc địa đã dẫn đến phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa, thoát khỏi sự thống trị và áp bức của các nước tư bản.

Ngoài ra, các ngành công nghiệp chủ yếu mang tính hướng nội. Những ngành công nghiệp mới ra đời ở châu Âu thường có trình độ phát triển thấp, quy mô sản xuất không lớn, do vậy thị trường trong nước là không đủ cho nó phát triển. Đường như vào thời đó chiến tranh là biện pháp duy nhất đảm bảo thị trường ngoài nước cho các quốc gia. Song những quốc gia có đủ sức mạnh để xâm chiếm các nước khác không nhiều mà phần lớn các quốc gia không làm được việc đó, do vậy phải hướng sự phát triển của các ngành công nghiệp của mình chủ yếu vào thị trường trong nước. Bên cạnh đó phương tiện giao thông liên lạc vào thời kỳ này còn kém phát triển nên vận chuyển hàng hóa ra nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn như chi phí vận tải lớn, rủi ro cao cũng buộc các ngành công nghiệp ra đời vào thời kỳ này chủ yếu có tính hướng nội.

Hơn thế nữa, tăng trưởng thấp và bất bình đẳng xã hội cao cũng là đặc trưng nổi bật của mô hình công nghiệp hóa theo kiểu cổ điển Châu Âu. Trước thế kỷ XX, các quốc gia châu Âu đã tiến hành công nghiệp hóa với tốc độ tăng trưởng thấp chỉ khoảng 2%/năm. Tuy tốc độ tăng trưởng như vậy đã là rất cao so với thời kỳ Trung cổ kéo dài. Nhưng trong điều kiện tốc độ tăng trưởng thấp, con đường tích lũy vốn duy nhất để công nghiệp hóa là phải giảm tiền lương và thu nhập của người lao động từ đó gây bất bình đẳng nghiêm trọng của các xã hội châu Âu đó.

Quá trình công nghiệp hoá của các nước tư bản cổ điển diễn ra trong một thời gian tương đối dài, trung bình 60-80 năm. Đầu tiên ở nước Anh sau đó được mở rộng sang nước Pháp và lan dần sang các nước châu Âu. Đây là mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu của các quốc gia châu Âu tuy nhiên mỗi quốc gia lại có những sắc thái riêng. Quá trình công nghiệp hóa ở Anh, Pháp, Đức đã đi liền với các cuộc chiến tranh xâm lược, cướp bóc thuộc địa. Nhưng quá trình công nghiệp hóa ở các nước nhỏ hơn ở châu Âu đã mang tính lệ thuộc hơn vào các nước mạnh.

Thứ hai, mô hình công nghiệp hóa kiểu Liên Xô.

Mô hình này bắt đầu từ đầu những năm 1930 ở Liên Xô sau đó được áp dụng cho các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sau năm 1945 và một số nước đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam vào những năm 1960.

Liên Xô ưu tiên tập trung cho phát triển công nghiệp nặng ngay từ đầu. Nguyên nhân do Liên Xô là nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, bị phương Tây bao vây, phong tỏa về kinh tế trong khi nền kinh tế có sự lạc hậu nhiều so với phương Tây. Bên cạnh đó cũng cần thấy rằng, sau khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933, nguy cơ cuộc chiến tranh thế giới mới có thể diễn ra. Vì vậy, tập trung cho phát triển công nghiệp

nặng không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn liên quan đến vấn đề quốc phòng. Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Liên Xô có thể huy động tối đa nguồn lực cho công nghiệp hóa. Cuối cùng, với đất nước mà kinh tế tiểu nông tồn tại khá phổ biến, phát triển công nghiệp nặng nhằm trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung cho nền kinh tế và có ý nghĩa quyết định với cải tạo kinh tế tiểu nông.

Để thực hiện được mục tiêu này đòi hỏi nhà nước phải huy động những nguồn lực to lớn trong xã hội, từ đó phân bổ, đầu tư cho ngành công nghiệp nặng, trực tiếp là ngành cơ khí, chế tạo máy, thông qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mệnh lệnh. Nguồn vốn của công nghiệp hóa ở Liên Xô hoàn toàn dựa vào trong nước, thông qua việc thực hiện chế độ tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, các khoản thu từ kinh tế quốc doanh, xuất khẩu đồ thu ngoại tệ...

Công nghiệp hóa với mục tiêu và cơ chế nêu trên đã cho phép trong một thời gian ngắn các nước theo mô hình Liên Xô đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật to lớn, hoàn thành được mục tiêu đề ra. Xây dựng được hệ thống công nghiệp nặng hoàn chỉnh: Luyện kim, cơ khí, hóa chất. Tốc độ tăng trưởng nhanh: Giai đoạn 1928-1932, 1933-1937 tăng trưởng trung bình 20%. Trong cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp, công nghiệp chiếm 75,5% (1940). Trở thành cường quốc công nghiệp số 1 châu Âu và đứng thứ 2 thế giới. (chiếm 10% sản lượng công nghiệp thế giới). Sự thành công trong công nghiệp hóa ở Liên Xô có nhiều nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân rất quan trọng cần được nhấn mạnh là có sự nỗ lực chủ quan của nhân dân Liên Xô trong quá trình công nghiệp hóa XHCN, thể hiện ở các phong trào thi đua xây dựng CNXH đã được phát triển mạnh mẽ khắp đất nước Liên Xô.

Ngược lại, mô hình này cũng cho thấy nhiều hạn chế và lỗ hổng to lớn. Gây ra tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ (biểu hiện ở tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng- Liên Xô đã quay lại sử dụng tem phiếu). Mất cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng (đời sống nhân dân khó khăn).

Khi tiến bộ khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển, hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật to lớn ở trình độ cơ khí hóa đã không thích ứng được, làm kìm hãm việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới; đồng thời cơ chế kế hoạch hóa tập trung mệnh lệnh được duy trì quá lâu đã dẫn đến sự trì trệ. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Thứ ba, mô hình công nghiệp hóa của Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs).

Rút kinh nghiệm từ quá trình công nghiệp hóa của các nước tư bản cổ điển và các nước xã hội chủ nghĩa, Nhật Bản và các nước công nghiệp hóa mới (NICs) như Hàn Quốc, Singapore đã tiến hành công nghiệp hóa theo con đường mới. Chiến lược công nghiệp hóa của các nước này thực chất là chiến lược công nghiệp hóa rút ngắn, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, thông qua việc tận dụng lợi thế về khoa học - công nghệ của các nước đi trước, cùng với việc phát huy nguồn lực và lợi thế trong nước, thu hút nguồn lực từ bên ngoài để tiến hành công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa. Kết quả là trong một khoảng thời gian ngắn, trung bình khoảng 20 - 30 năm đã thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa,

hiện đại hoá.

Từ thực tiễn của Nhật Bản và các nước công nghiệp hoá mới (NICs) cho thấy, trong thời đại ngày nay các nước đi sau nếu biết khai thác tốt lợi thế trong nước và tận dụng, tiếp thu những nguồn lực, đặc biệt là những thành tựu khoa học - công nghệ mới, hiện đại của các nước tiên tiến, thì sẽ giúp cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả. Việc tiếp thu và phát triển khoa học - công nghệ mới, hiện đại của các nước kém phát triển có thể thực hiện bằng các con đường cơ bản như:

Một là, thông qua đầu tư nghiên cứu, chế tạo và hoàn thiện dần dần trình độ công nghệ từ trình độ thấp đến trình độ cao, con đường này thường diễn ra trong thời gian dài, và tổn thất nhiều trong quá trình thử nghiệm.

Hai là, tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước phát triển hơn, con đường này một mặt đòi hỏi phải có nhiều vốn và ngoại tệ, mặt khác luôn luôn chịu sự phụ thuộc vào nước ngoài.

Ba là, xây dựng chiến lược phát triển khoa học - công nghệ nhiều tầng, kết hợp cả công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại. Kết hợp vừa nghiên cứu chế tạo vừa tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển hơn, con đường vừa cơ bản, lâu dài và vững chắc; vừa đảm bảo đi tắt và bám đuổi theo các nước phát triển hơn.

Lấy ví dụ như Nhật Bản, phương pháp chủ yếu và xuyên suốt của Nhật Bản trong việc tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến phương Tây là bằng con đường nhập khẩu với nhiều hình thức khác nhau: nhập khẩu trực tiếp công nghệ, mua bằng phát minh sáng chế, khuyến khích người Nhật đi du học để tiếp thu những tri thức mới của phương Tây, và “nhập khẩu” cả chuyên gia giỏi từ nhiều nước khác nhau trên thế giới. Cách thức cụ thể là: Chính phủ “câu” nhân tài các nước bằng chế độ lương bổng ưu đãi; khuyến khích các cá nhân và tổ chức tiếp cận với những người nước ngoài có bằng sáng chế và có bản quyền thích hợp, thu hút họ đến Nhật Bản làm việc; thu hút trở lại những người đi du học ở nước ngoài... Bằng cách đó, số người nước ngoài đến làm việc tại Nhật Bản ngày càng nhiều, từ cố vấn kỹ thuật, giáo viên, nhà đầu tư, cho đến nhà quản lý và thợ lành nghề.

Nhật Bản đã không chỉ nhập khẩu máy móc thiết bị để sử dụng, mà còn nhập khẩu cả bằng phát minh sáng chế để triển khai, hoặc để nghiên cứu, bắt chước; không chỉ học tập phương Tây về kỹ thuật, mà họ đã học tất cả các mặt tiên tiến khác về thể chế kinh tế, kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm phát triển giáo dục.... Điều đặc biệt là, Nhật Bản không bắt chước nguyên mẫu của nước ngoài, mà họ luôn tìm cách cải tiến công nghệ nhập khẩu để thích nghi chúng (thích ứng chuyển đổi). Vì thế, sự ra đời và phát triển của các ngành công nghiệp mới rất nhanh, và rồi nó cũng lại nhanh chóng bị thay thế bởi một ngành công nghiệp khác mới hơn. Cho nên, đối với Nhật Bản việc bắt chước công nghệ và cải tiến công nghệ cho phù hợp với điều kiện nội tại là con đường ngắn nhất để tiến tới nền kinh tế hiện đại.

Nhật Bản và các nước công nghiệp hoá mới (NICs) đã sử dụng con đường thứ ba để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kết hợp với những chính sách phát triển đúng đắn và hiệu quả, từ đó đã thực hiện thành công quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trong một khoảng thời gian ngắn đã gia nhập vào nhóm các nước công nghiệp

phát triển. Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Nhật Bản và các nước công nghiệp hoá mới (NICs) là gợi ý tốt cho Việt Nam trong quá trình tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân.

Tóm lại, mỗi mô hình công nghiệp hóa này có những đặc trưng riêng và chỉ phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện kinh tế xã hội tại thời điểm ở mỗi nước. Bởi vậy, ta có thể khẳng định rằng nội dung công nghiệp hóa có tính lịch sử.

6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

a) Tính tất yếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

Trước hết công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế- xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghệ và tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Những lý do khách quan Việt Nam phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa bao gồm:

Thứ nhất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quy luật phổ biến của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội mà mọi quốc gia đều trải qua dù ở các quốc gia phát triển sớm hay các quốc gia đi sau.

Theo quy luật của sự phát triển, lực lượng sản xuất sẽ phát triển từ thấp tới cao. Về nền kinh tế sẽ đi từ nền kinh tế tự nhiên sang nền kinh tế nông nghiệp và sang nền kinh tế công nghiệp. Quy luật này mang tính khách quan và khi đạt tới trình độ nhất định thì nền kinh tế sẽ tự chuyển sang một giai đoạn mới cao hơn. Công nghiệp hóa thực chất là quá trình chuyển biến lực lượng sản xuất từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Nếu như quốc gia nào không vận động theo quy luật này thì sẽ bị tụt hậu nên nếu muốn tiếp tục phát triển thì mọi quốc gia đều phải trải qua giai đoạn này. Đó là tính tất yếu khách quan. Về mặt thực tiễn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ trang bị máy móc, phương tiện lao động, kỹ thuật- công nghệ ngày càng hiện đại, từ đó nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của con người.

Ví dụ trong lĩnh vực nông nghiệp, trước kia để sản xuất nông nghiệp, người dân chủ yếu phải dựa vào lao động thủ công “con trâu đi trước cái cày theo sau”, năng suất lao động thấp, tốn nhiều nhân lực và mất nhiều thời gian. Khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, máy móc, các thành tựu khoa học - kỹ thuật được áp dụng và được đưa vào sản xuất mang lại năng suất cao, tiết kiệm thời gian, nhân lực.

Mỗi phương thức sản xuất đều có một cơ sở vật chất - kỹ thuật tương ứng. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của một phương thức sản xuất là hệ thống các yếu tố vật chất của lực lượng sản xuất xã hội, phù hợp với trình độ kỹ thuật mà lực lượng lao động xã hội

sử dụng để tiến hành quá trình lao động sản xuất. Cơ sở vật chất - kỹ thuật được xem là tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hiện đại của một nền kinh tế, nó cũng là điều kiện quyết định để xã hội có thể đạt được một năng suất lao động nào đó. Bất kỳ quốc gia nào đi lên chủ nghĩa xã hội đều phải thực hiện nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phải là nền kinh tế hiện đại: có cơ cấu kinh tế hợp lý, có trình độ xã hội hóa cao dựa trên trình độ khoa học và công nghệ hiện đại. Chỉ có tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền sản xuất hiện đại mới có thể làm thay đổi căn bản đời sống vật chất cũng như tinh thần của xã hội, đẩy nhanh tốc độ phát triển tăng năng suất lao động, ngày càng thỏa mãn và đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Công nghiệp hóa hiện đại hóa chính là con đường và bước đi tất yếu để tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật đó.

Thứ hai, đối với những nước có nền kinh tế còn kém phát triển mà đang trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội như nước ta, việc xây dựng một xã hội mới phải được tiến hành một cách toàn diện trên các mặt như là quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, nền văn hóa và con người của xã hội đó. Chính công nghiệp hóa là con đường và là bước đi tất yếu để tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền sản xuất lớn hiện đại. Việc thực hiện và hoàn thành tốt công nghiệp hóa có ý nghĩa đặc biệt to lớn và có tác dụng trên nhiều mặt, trên cơ sở đó từng bước nâng cao trình độ văn minh của xã hội.

Công nghiệp hóa nói cách chung nhất thì là cuộc cách mạng về lực lượng sản xuất làm thay đổi căn bản kỹ thuật, công nghệ sản xuất, thực hiện và xã hội hóa về mặt kinh tế, kỹ thuật góp phần tăng năng suất, tăng trưởng và phát triển kinh tế với tốc độ cao, tạo được sự ổn định và ngày càng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong cộng đồng xã hội.

Ví dụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin: Khoảng 20 năm trước, khi mà điện thoại di động vẫn là một thứ xa xỉ với mọi người, lúc ấy muốn liên lạc trao đổi ở xa thì vẫn phải viết thư xong rồi phải đợi thời gian rất lâu thư mới đến nơi người nhận. Còn bây giờ, khoa học kỹ thuật đã phát triển, công nghệ đã tân tiến hơn nhờ công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì với việc mỗi người chúng ta sở hữu một chiếc điện thoại thì nó rất đổi bình thường, thậm chí là những chiếc điện thoại thông minh, giúp ta có thể học tập, làm việc, liên lạc, giải trí.

Về kinh tế, công nghiệp hóa có tác dụng quyết định trong việc phát triển lực lượng sản xuất xã hội, củng cố và hoàn thiện quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa, biến nền sản xuất nhỏ, thủ công, lạc hậu thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cơ khí hóa và hiện đại hóa; không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội, bảo đảm tái sản xuất mở rộng và cải thiện đời sống nhân dân lao động.

Về chính trị, nó có tác dụng quyết định trong việc xây dựng và tăng cường cơ sở xã hội của chuyên chính vô sản, tăng cường sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, củng cố khối liên minh công nông, thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc.

Về tư tưởng và văn hóa, nó thúc đẩy quần chúng lao động nâng cao trình độ văn hóa khoa học kỹ thuật, tạo điều kiện vật chất cần thiết để thay đổi tư tưởng và văn hóa cũ, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Về quốc phòng, nó đảm bảo không ngừng củng cố, tăng cường và hiện đại hóa nền quốc phòng toàn dân.

Như vậy, có thể khẳng định công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phương tiện để chúng ta xây dựng đất nước và phương thức này nhất định phải theo định hướng XHCN. Và đây cũng chính là mục tiêu cơ bản xuyên suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, mọi đường lối, chủ trương kinh tế suy cho cùng vẫn phải hướng tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Có thể nói đây là đặc điểm đầu tiên cũng là đặc điểm quan trọng nhất của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức là nền kinh tế xuất hiện sau kinh tế công nghiệp khi các quốc gia đã xây dựng thành công nền kinh tế công nghiệp thì họ sẽ hướng tới nền kinh tế tri thức, một nền kinh tế trong đó tri thức tạo ra phần lớn giá trị. Mặc dù Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để tránh tụt hậu chúng ta cũng phải hướng tới nền kinh tế tri thức, đó là nội dung cơ bản để thực hiện chiến lược Công nghiệp hóa rút ngắn trong điều kiện Việt Nam.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là con đường giúp chúng ta tận dụng được các nguồn lực, để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng là động lực quan trọng, giúp chúng ta công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn phù hợp.

Công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế và Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Việc mở cửa kinh tế quốc tế cho phép Việt Nam có thể tranh thủ các nguồn lực còn thiếu, còn yếu như vốn, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao,... để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực chất để công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa thì phải mở cửa, tiếp nhận những thành tựu khoa học kỹ thuật của nhân loại, là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đề ra ở Việt Nam.

b) Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam

Một là, cần tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang sản xuất - xã hội tiên bộ. Điều này cần có sự phát triển về tri thức, tư duy và nguồn lực.

Tri thức là nguồn lực vô hình to lớn, quan trọng nhất trong đầu tư phát triển, là nguồn lực có vị trí quyết định nhất của sản xuất và là động lực quan trọng nhất cho sự phát triển. Tri thức cũng là động lực mạnh mẽ cho các lĩnh vực sáng tạo khoa học, phát minh, sáng chế, công nghệ, điều hành, quản lý và tổ chức xã hội đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Việt Nam. Sự phát triển về tri thức, tư duy rõ ràng đã mang lại những tác động không nhỏ cho sự phát triển công nghiệp và dịch vụ của các công ty tại Việt Nam tiêu biểu là các công ty vận chuyển như Gojek. Họ đã phát triển và cải thiện các phần mềm điện thoại, thay đổi từ các hình thức chăm sóc khách hàng truyền thống sang phát triển qua thiết bị thông minh giúp cho tăng khả năng kết nối với khách hàng đồng thời mở rộng được ra các lĩnh vực mới phục vụ những nhu cầu của khách hàng.

Để phát triển tri thức, tư duy cần những tiền đề trong nước, quốc tế. Vì vậy chúng ta cần tạo lập những điều kiện cần thiết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống sản xuất. Những điều kiện chủ yếu cần có như: tư duy phát triển, thể chế và nguồn lực, môi trường quốc tế thuận lợi và trình độ văn minh của xã hội, ý thức xây dựng xã hội văn minh của người dân. Ngoài ra cũng cần phát triển hệ thống giáo dục đào tạo có chất lượng, phát triển hạ tầng cơ sở thông tin hiện đại, phát triển hệ thống sáng tạo có hiệu quả và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên không có nghĩa là chờ chuẩn bị đầy đủ mới thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa mà phải thực hiện nhiệm vụ trên một cách đồng thời bởi nếu chờ đợi chuẩn bị đầy đủ những điều kiện mới thực hiện thì lúc đó đất nước đã trở nên lạc hậu rất nhiều so với các nước phát triển khác bởi trong thời đại công nghiệp này thời gian chẳng chờ một ai, sự phát triển và hiện đại hóa diễn ra không ngừng và điều này đi ngược lại so với định hướng phát triển và hội nhập mà đất nước ta đặt ra. Việc thực hiện đồng thời vừa phát triển nền tảng vừa tiến tới phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa vừa giúp cho đảng và nhà nước linh hoạt hơn trong việc điều chỉnh những tiền đề có sẵn sao cho phù hợp với những định hướng phát triển của đất nước.

Hai là, thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội hiện đại.

Trước hết, cần đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới, hiện đại. Để thực hiện được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi phải từng bước trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật ngày càng hiện đại, cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng máy móc, tức là phải cơ khí hóa nền kinh tế quốc dân. Đó là bước chuyển đổi rất căn bản từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp. Đi liền với cơ khí hóa là điện khí hóa và tự động hóa sản xuất từng bước vào trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Đối với những nước kém phát triển thì nhiệm vụ trọng tâm là cơ khí hóa để nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, đối với những ngành nghề, lĩnh vực khi có điều kiện và khả năng cho phép có thể ứng dụng ngay những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại để rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi phải ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới hiện đại vào tất cả các ngành, các vùng, các lĩnh vực của nền kinh tế. Tuy nhiên cần phải có sự lựa chọn sao cho phù hợp với khả năng, trình độ và điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn, không chủ quan, nóng vội cũng như không trì hoãn, cản trở việc ứng dụng khoa học, công nghệ mới, hiện đại trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề cập đến những thành tựu của việc ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Cụ thể, về nông nghiệp, khoa học công nghệ giúp các ngành địa phương chọn tạo, công nhận chính thức 32 giống cây trồng, vật nuôi, 36 tiến bộ kỹ thuật. Trong đó, năm 2019, trong cuộc thi TRT tổ chức tại Manila, Philippin Gạo ST25 (đặc sản ở Sóc Trăng) được bình chọn là “Gạo ngon nhất thế giới”. Trong công nghiệp, khoa học công nghệ đã chế tạo thành công nhiều thiết bị, dây chuyền sản xuất, chủng loại vật liệu mới phục vụ phát triển ngành cơ khí chế tạo, năng lượng, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp...

Trong y học, Tháng 11.2007, Bộ KH&CN đã phê duyệt đề tài độc lập cấp Nhà nước: *"Nghiên cứu một số vấn đề về ghép tim thực nghiệm trên động vật để tiến tới ghép tim trên người ở Việt Nam"* và Vào ngày 17 tháng 6 năm 2010, tại Bệnh Viện 103, Học Viện Quân y, Bộ Quốc phòng đã thực hiện thành công ca ghép tim trên người đầu tiên tại Việt Nam.

Năm 2018, vệ tinh Macro Dragon nặng 50kg do các thạc sĩ công nghệ vệ tinh Việt Nam chế tạo ở Nhật Bản, được phía Nhật Bản hỗ trợ phóng lên không gian bằng tên lửa Epsilon.

Bên cạnh đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức. Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó tự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nền kinh tế tri thức là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội, theo đó các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất hàm chứa những hàm lượng tri thức ngày càng cao. Phát triển kinh tế tri thức là cơ hội để rút ngắn khoảng cách lạc hậu. Từ những tri thức, công nghệ kỹ thuật mới, các tư liệu lao động mới, hệ thống máy móc thông minh, tự động hóa sẽ được tạo ra. Việt Nam là nước có nền kinh tế nông nghiệp đang tiến hành công nghiệp hóa để phát triển kinh tế tránh tụt hậu. Đội ngũ cán bộ khoa học của Việt Nam có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới. Trong quá trình công nghiệp hóa đất nước, Việt Nam đã

mạnh dạn đầu tư, khai thác ứng dụng những thành tựu mới của thời đại nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ phần mềm... Như vậy, chúng ta có cơ sở khoa học để đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ: chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và phát triển kinh tế tri thức.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, khi nhiều nước rơi vào suy thoái, Việt Nam nằm trong nhóm ít các quốc gia duy trì tăng trưởng dương, kiểm soát tốt dịch bệnh, đạt nhiều kết quả ấn tượng. Với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 tăng 2,91%, Việt Nam thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động nâng lên rõ rệt. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng tăng từ 33,6% giai đoạn 2011 - 2015 lên 45,2% giai đoạn 2016 - 2020, tính chung 10 năm 2011 - 2020 đạt 39,0% (vượt mục tiêu 35%); Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị hàng hoá tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu - GII tăng 17 bậc trong giai đoạn 2016 - 2020, đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á, đứng đầu trong số các quốc gia ở mức thu nhập trung bình thấp.

Một bước rất quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong kì họp Đại hội VII nêu định hướng: "Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu". Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt cấu thành của phương thức sản xuất. Theo quy luật khách quan, quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; ngược lại, lực lượng sản xuất phát triển quyết định quan hệ sản xuất.

Trước thời điểm đổi mới (năm 1986), cách vận dụng, giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã mắc phải bệnh chủ quan duy ý chí, nóng vội, bảo thủ và trì trệ; không tuân theo các quy luật khách quan, đặc biệt là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong xác lập quan hệ sản xuất, chúng ta tuyệt đối hoá vai trò của công hữu, làm cho quan hệ sản xuất chỉ còn tồn tại giản đơn dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Ta nóng vội xoá bỏ các thành phần kinh tế khác, không chấp nhận các hình thức sở hữu hỗn hợp, sở hữu quá độ; xoá bỏ chế độ sở hữu tư nhân một cách ồ ạt, dẫn đến lực lượng sản xuất không phát triển, tình trạng trì trệ kéo dài, sản xuất đình đốn, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn. Nền kinh tế tăng trưởng thấp và thực chất không có phát triển. Thời kỳ bao cấp tập trung dù hợp lý trong giai đoạn chiến tranh nhưng khi cuộc chiến qua đi, trong giai đoạn đổi mới lấy nền kinh tế làm gốc, nó đã không còn hợp lý nữa. Để thỏa mãn yêu cầu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất, cần hoàn thiện quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối quản lý, phân bổ nguồn lực, phát huy sáng tạo. Việc mở cửa, nền kinh tế thị trường hiện nay tạo động lực phát triển sáng

tạo tối đa, nếu doanh nghiệp không bắt kịp không làm mới mình để cạnh tranh, họ sẽ phá sản.

Công nghiệp hóa hiện đại hóa xảy ra ở trên toàn cầu, tác động tới mọi quốc gia. Do đó, trên con đường đổi mới, ta cần phải thích ứng trước những tác động của nó, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư này.

Điều thứ nhất, ta cần xây dựng khung pháp lý đổi mới, sáng tạo, làm tiền đề để thúc đẩy sự phát triển, ổn định xã hội. Đổi mới không ngừng nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy sáng tạo doanh nghiệp, tăng cường đào tạo từ các bậc Đại học chất lượng cao, và liên kết với cả nguồn tri thức nước ngoài. Trong những năm qua, nước ta đẩy mạnh cải cách nhà nước, tinh gọn bộ máy. Trong ngành kinh tế, thủ tục hành chính, việc tinh gọn khâu thủ tục. Theo báo cáo năm 2014 thủ tục thuế đã giảm tới 290 giờ/ năm trên 1 doanh nghiệp.

Điều thứ hai, vì là trong thời đại Cách mạng công nghệ, ta cần nắm bắt, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ. Điều này đòi hỏi sự đầu tư lớn từ Nhà nước, doanh nghiệp, số hóa, chuyên môn hóa quá trình quản lý, ứng dụng khoa học vào công việc giảm thời gian, tăng năng suất. Chính phủ cũng là gương mặt tiêu biểu trong việc này khi đã ban hành ra kênh chính phủ số: chinhphu.vn...; đưa nhiều dịch vụ công lên trên hình thức trực tuyến, tăng sự tiện lợi, giảm thời gian làm thủ tục. Ngoài ra, để đảm bảo vấn đề an ninh mạng cho người sử dụng, chính phủ đã ban hành luật an ninh mạng vào ngày 12/6/2018.

Điều thứ ba, Cách mạng công nghiệp mang lại những tác động tiêu cực và nước ta cũng sẵn sàng đón nhận và ứng phó với nó. Nhiệm vụ không thể thiếu là cần xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông, chuẩn bị nền tảng kinh tế số. Khẳng định rằng, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ, truyền thông giúp đời sống của con người thuận tiện rất nhiều. Ta cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào những lĩnh vực kinh tế, đào tạo nhân lực công nghệ thông tin, coi phát triển và ứng dụng công nghệ là khâu đột phá trong Cách mạng lần thứ tư này. Dễ thấy, xu hướng công nghệ hóa làm cho nguồn nhân lực, thị trường lao động công nghệ thay đổi, và chưa có dấu hiệu hết nóng.

Bên cạnh xây dựng hạ tầng kỹ thuật, ta cần từng bước thực hiện chuyển đổi số nền kinh tế, quản lý xã hội. Ta xây dựng các khu công nghiệp công nghệ cao, làm nòng cốt trong phát triển.

Không chỉ đầu tư khu công nghệ cao, ta phải phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Nông thôn là nơi ít được tiếp xúc với công nghệ, trình độ canh tác còn chưa tốt. Vì thế cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tới nông lâm nghiệp, tăng năng suất trong sản xuất. Để hoàn tất quá trình công nghiệp hóa, nông thôn đòi hỏi phải ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất; thực hiện cơ giới hoá, điện khí hoá, thủy lợi hoá, số hóa; phát triển công, thương nghiệp và dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ

cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hiện nay, nhiều khu vực nông thôn xuất hiện khu vực tổ chức chuyên môn sản xuất nông nghiệp, nhà kính, ví dụ như việc trồng lúa ngày nay gieo vùi, thu hoạch không còn dùng tới sức người mà đã sang máy móc thuê hết.

Dù có là thời kì công nghệ, robot thay thế con người thì phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ không thể thay thế. Con người chính là yếu tố quyết định, tạo ra những bước ngoặt trong thời đại công nghệ. Nhằm tác động tới vấn đề trên, có những giải pháp cơ bản như: Đổi mới mạnh trong giáo dục hướng tới chất lượng cao, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trang thiết bị, phương pháp đào tạo. Ngoài việc đào tạo chất lượng cao, ta cần chính sách thu hút người tài thích hợp. Ngày nay, nhiều chương trình học bổng du học, đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao trực tiếp cho doanh nghiệp tài trợ chương trình.

PHẦN 3: TỔNG KẾT

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình phát triển vì nó đưa cả nền sản xuất vật chất và đời sống văn hóa - xã hội của đất nước lên trình độ mới. Đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa có vai trò tạo điều kiện, tiền đề vật chất - kỹ thuật cho chế độ xã hội chủ nghĩa. Ở mỗi thời kỳ lịch sử, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa có nội dung và bước đi cụ thể, phù hợp. Đối với Việt Nam, khi chính thức bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng chủ trương tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và từ cuối thế kỷ XX đến nay, quá trình này được xác định đầy đủ là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là một quá trình kinh tế, kỹ thuật - công nghệ và kinh tế - xã hội toàn diện, sâu rộng nhằm chuyển đổi nền sản xuất và xã hội Việt Nam từ trình độ nông nghiệp lạc hậu lên trình độ công nghiệp với các trình độ công nghệ ngày càng tiên tiến, hiện đại, văn minh.

Với tính cách thị trường thương mại, thế giới ngày nay đã bị các hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định thế hệ mới biến thành một thị trường liên hoàn, thống nhất. Ở đó, đã và sẽ nhanh chóng mất đi sự phân biệt giữa thị trường quốc nội và thị trường quốc tế. Trong bối cảnh mới như vậy, các mô hình công nghiệp hóa nêu trên hiển nhiên là không còn chỗ đứng. Việt Nam cũng như các quốc gia khác, rất cần xác định mới mô hình công nghiệp hóa, vừa thích ứng với chuỗi giá trị toàn cầu, cách mạng công nghiệp lần thứ tư..., vừa phù hợp với điều kiện, mục tiêu, yêu cầu của nước nhà. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nêu rõ mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ mới: “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực, thế giới”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (*Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị*) – Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật Hà Nội 2021
2. Đảng cộng sản Việt Nam (1994), Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa VII - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội
3. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006) - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội
4. V.I. Lênin toàn tập (1979), tập 42 - Nhà xuất bản Tiến bộ
5. Hồ Chí Minh toàn tập (1996), tập 10 - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội
6. Báo NASATI: Công nghiệp hóa hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (2021), truy cập tại: <https://www.vista.gov.vn/newbook/sach-moi/cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-nen-kinh-te-viet-nam-trong-boi-can-ach-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu-31.html>
7. Theo Thạc sỹ Đinh Thùy Dung, Công nghiệp hóa hiện đại hóa là gì? Tác động và ý nghĩa? (2022), truy cập tại: <https://luatduonggia.vn/cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-la-gi-tac-dung-va-y-nghia/>
8. Báo HALANA: Các loại mô hình công nghiệp hóa trên thế giới (2021), truy cập tại <https://halana.vn/bai-viet/cong-nghiep-hoa-la-gi-cac-loai-mo-hinh-cong-nghiep-hoa-tren-the-gioi>

